TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 274/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 08 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 370/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lưu H. Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: A M, phường T, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Nguyễn Hữu T. Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: C T, phường D, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lưu H và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P (nay là phường D, tỉnh Gia Lai) vào ngày 17/7/2024.

Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị N và anh T đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chị L H’LiNa và anh Nguyễn Hữu T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: chị Lưu H và anh Nguyễn Hữu T có 01 con chung là Nguyễn Lưu Gia H1, sinh ngày 18/4/2025. Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Lưu Gia H1, sinh ngày 18/4/2025 cho chị L H'LiNa trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng cho con: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lưu H và anh Nguyễn Hữu T thuận tình ly hôn.
- Về con: chị Lưu H và anh Nguyễn Hữu T có 01 con chung là Nguyễn Lưu Gia H1, sinh ngày 18/4/2025. Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Lưu Gia H1, sinh ngày 18/4/2025 cho chị L H'LiNa trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng cho con: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: chị Lưu H và anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005966 ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh G; chị L H'LiNa và anh Nguyễn Hữu T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 - Gia Lai;
- UBND nơi ĐKKH.
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Khả Thế